

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HS-ST
Ngày 24 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật HChiến và bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành H, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1980 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số *, đường Q, khối 7, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D và bà Lương Thị X; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh P, chi nhánh Th. Địa chỉ: Số *, tổ **, phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo pháp luật: Ông I – Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc A, nhân viên pháp chế của Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh P, chi nhánh Th. (Theo Giấy ủy quyền số 82/2020/GUQ ngày 18/6/2020). Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Phúc H1, có mặt.
2. Chị Nông Thị Th1, vắng mặt;
3. Chị Trần Thị Tr1, vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Mạnh D1, vắng mặt;
5. Chị Đỗ Thị D2, vắng mặt;
6. Chị Chu Hồng Tr2, vắng mặt;
7. Anh Tống Công T1, có mặt;
8. Anh Nguyễn Công Anh Z, có mặt;
9. Chị Hoàng Thị M, vắng mặt;
10. Anh Triệu Thành N, có mặt;
11. Anh Lương Minh K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành H là nhân viên của Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh P chi nhánh Th (gọi tắt là Công ty P hoặc Công ty). Ngày 30/11/2018, Nguyễn Thành H ký hợp đồng lao động với Công ty P, giữ chức vụ Trưởng Bưu cục Hoàng Văn Thụ, địa chỉ: Số * đường Trần Đăng V, phường Hoàng Văn S, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 01/8/2019, Nguyễn Thành H được Công ty P bổ nhiệm giữ chức vụ Quản lý khu vực, phụ trách quản lý về nhân sự, hoạt động kinh doanh, vật tư, tài chính, chịu trách nhiệm hoàn toàn về doanh số có liên quan đến khu vực Lạng Sơn 2, bao gồm 04 Bưu cục: Hoàng Văn Thụ, Lý Thường Kiệt, Bắc Sơn, Đồng Đăng. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 Nguyễn Thành H đã thu tiền cước phí và tiền thu hộ (COD) của khách hàng sử dụng dịch vụ chuyển phát của Công ty P. Cụ thể:

- Từ ngày 19/10/2019 đến ngày 22/10/2019, chị Hoàng Phúc H1 và Nông Thị Th1 là nhân viên của Bưu cục Hoàng Văn Thụ đã giao cho Nguyễn Thành H tổng số tiền 82.560.000đ (*tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền thu cước phí và tiền COD của khách hàng trong các ngày 19,20,21,22/10/2019 để Hưng nộp cho Công ty P theo quy định. Ngày 23/10/2019, Hưng chỉ nộp cho Công ty P số tiền 51.118.000đ (*năm mươi một triệu một trăm mười tám nghìn đồng*) với hình thức chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0981000414323 của Hưng đến các tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 082100029298888 và số 0821000176688 của Công ty P. Số tiền còn lại là 31.442.000đ (*ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) Hưng chưa nộp vào tài khoản của Công ty theo quy định.

- Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Thành H đã thu của chị Trần Thị Tr1 là khách hàng sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh của Công ty P, tổng số tiền 84.090.130đ (*tám mươi tư triệu không trăm chín mươi nghìn một trăm ba mươi đồng*) tiền cước phí tháng 6,7,8,9,10/2019 với hình thức Tr1 chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0981000399376 tên Trần Thị Q đến tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0981000414323 của Nguyễn Thành H. Cụ thể:

+ Ngày 01/7/2019, Tr1 chuyển cho H 17.167.500đ (*mười bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) thanh toán tiền cước phí từ ngày 29/6/2019 đến ngày 30/6/2019.

+ Ngày 15/7/2019, Tr1 chuyển cho H 23.257.500đ (*hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) thanh toán tiền cước phí từ ngày 03/7/2019 đến 13/7/2019.

+ Ngày 16/8/2019, Tr1 chuyển cho H 15.223.000đ (*mười lăm triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*), thanh toán tiền cước phí từ ngày 09/8/2019 đến ngày 15/8/2019.

+ Ngày 27/8/2019, Tr1 chuyển cho H 7.488.110đ (*bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm mười đồng*), thanh toán tiền cước phí từ ngày 16/8/2019 đến ngày 20/8/2019.

+ Ngày 03/9/2019, Trang chuyển cho Hưng 5.862.000đ (*năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), thanh toán tiền cước phí từ ngày 29/8/2019 đến ngày 31/8/2019.

+ Ngày 02/10/2019, Tr1 chuyển cho H 7.149.020đ (*bảy triệu một trăm bốn mươi chín nghìn không trăm hai mươi đồng*), thanh toán tiền cước phí từ ngày 11/9/2019 đến ngày 30/9/2019.

+ Ngày 11/10/2019, Tr1 chuyển cho H 2.561.000đ (*hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng*), thanh toán tiền cước phí từ ngày 03/10/2019 đến ngày 08/10/2019.

+ Ngày 21/10/2019, Tr1 chuyển cho H 3.562.000đ (*ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), thanh toán tiền cước phí ngày 15/10/2019.

+ Ngày 11/9/2019, Tr1 nhờ H thu hộ của khách hàng số tiền 1.820.000đ (*một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*), thay vì trả lại tiền cho Tr1, H và Tr1 thống nhất H sẽ giữ lại số tiền trên rồi trừ vào tiền cước phí tháng 9/2019 mà Tr1 phải thanh toán cho Công ty.

Số tiền Nguyễn Thành H thu của khách hàng Trần Thị Tr1 là 84.090.130đ (*tám mươi tư triệu không trăm chín mươi nghìn một trăm ba mươi đồng*), Hưng chưa nộp vào tài khoản của Công ty theo quy định.

- Trong tháng 7/2019 và tháng 8/2019, Nguyễn Thành H đã thu 6.349.279đ (*sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng*) tiền cước phí vận chuyển 12 đơn hàng của 03 khách hàng. Cụ thể:

+ Trong các ngày 26/7/2019 và 27/7/2019, H thu của Nguyễn Mạnh D1 cước phí vận chuyển 05 đơn hàng có các mã vận đơn: 841003196640, 841003196663, 841003203151, 841003203160, 841003203163) với tổng số tiền là 2.862.750đ (*hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

+ Trong các ngày 28/7/2019, 06/8/2019, 14/8/2019 và 21/8/2019, H thu của Đỗ Thị D2 cước phí vận chuyển của 06 đơn hàng có các mã vận đơn: 841003209488, 841003209523, 841003209538, 841003279681, 841003342941,

841003395996 với tổng số tiền là 3.186.519đ (*ba triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm mười chín đồng*).

+ Ngày 12/8/2019, H thu của Chu Hồng Tr2 cước phí vận chuyển 01 đơn hàng có mã vận đơn 841003324049 với số tiền là 300.010đ (*ba trăm nghìn không trăm mười đồng*).

Số tiền Nguyễn Thành H thu của các khách hàng trên là 6.349.279đ (*sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng*), H chưa nộp vào tài khoản của công ty theo quy định. H chỉ đạo các nhân viên gồm: Tống Công T1, Nguyễn Công Anh Z, Hoàng Thị M, Triệu Thành N, và Lương Minh K nhập các đơn hàng trên vào mã khách hàng của Trần Thị Tr1 và báo công nợ về Công ty P.

Sau khi thu được số tiền 121.881.409đ (*một trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm linh chín đồng*), Nguyễn Thành H không nộp vào tài khoản của công ty, Công ty P phát hiện và yêu cầu đến ngày 25/10/2019 Hưng phải nộp số tiền trên vào tài khoản của công ty, nhưng H chỉ trả được cho Công ty số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Từ ngày 25/10/2019 H nghỉ việc tại công ty P, Công ty P vẫn tiếp tục yêu cầu Nguyễn Thành H trả cho Công ty số tiền còn lại là **116.881.409đ** (*một trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm linh chín đồng*) nhưng H chưa thực hiện, nên Công ty P đã có đơn trình báo đến Công an thành phố Lạng Sơn.

Ngày 25/5/2020, chị Phạm Thanh R là vợ của bị cáo Nguyễn Thành H đã nộp thay bị cáo số tiền 16.875.000đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên lai thu tiền số AA/2015/0007040, để khắc phục hậu quả cho Công ty.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 29/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Nguyễn Thành H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo trình bày bị cáo biết hành vi của mình là sai nên đã tác động gia đình thu xếp khắc phục hậu quả cho Công ty P, ngày 25/5/2020 vợ bị cáo là chị Phạm Thanh R đã nộp 16.875.000đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn để bồi thường một phần cho Công ty, bị cáo cam kết sẽ bồi thường số tiền còn lại là 100.006.409đồng cho Công ty P chậm nhất ngày 31/12/2020.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: Trong phạm vi ủy quyền của mình, Công ty chấp nhận việc cam kết của bị cáo Nguyễn Thành H về việc chậm nhất ngày 31/12/2020 bị cáo H phải bồi thường số tiền mình đã chiếm đoạt của Công ty, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng Hoàng Phúc H1 trình bày bản thân được đưa tiền cước và COD cho bị cáo theo quy định của Công ty đúng thời gian và số tiền như Cáo trạng đã nêu, ngoài ra, chị H1 không biết cụ thể việc bị cáo H gửi tiền về Công ty. Những người làm chứng khác có mặt tại phiên tòa đều trình bày được bị cáo chỉ đạo nhập

hàng vào mã của khách hàng Trần Thị Tr1, nhưng không biết hàng đã nhập không phải của khách hàng Trần Thị Tr1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 07/02/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người đại diện theo ủy quyền của bị hại về việc bồi thường thiệt hại, chậm nhất ngày 30/12/2020 bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại cho Công ty P là 100.006.409đồng.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin được gửi lời xin lỗi tới ban giám đốc công ty P và gia đình bị cáo, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019, với chức vụ là Trưởng bưu cục Hoàng Văn Thụ và quản lý khu vực Lạng Sơn 2 trong Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh P chi nhánh Th, Nguyễn Thành H đã nhận tiền thu cước phí, tiền COD từ nhân viên bưu cục và từ khách hàng sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh của Công ty một cách hợp pháp, tuy nhiên sau đó H không chuyển đầy đủ tiền đã nhận về cho Công ty theo quy định của Công ty, mà lợi dụng lòng tin của Công ty, dùng thủ đoạn chỉ đạo nhân viên nhập đơn không đúng mã khách hàng, đưa ra thông tin gian dối về khách hàng nợ tiền cước phí, để chiếm đoạt tổng số tiền 116.881.409đ, với mục đích chi tiêu cá nhân. Cụ thể, từ ngày 19/10/2019 đến ngày 22/10/2019, bị cáo H chiếm đoạt số tiền 31.442.000đ là tiền nhân viên bưu cục thu của khách hàng chuyển lại cho bị cáo; từ ngày 01/7/2019 đến ngày 21/10/2019 bị cáo H chiếm đoạt số tiền là 84.090.130đ, là tiền cước phí do khách hàng Trần Thị Tr1 nộp trực tiếp cho bị cáo tiền cước phí tháng

6,7,8,9,10/2019; tháng 7 và tháng 8/2019 bị cáo H chiếm đoạt số tiền 6.349.279đ là tiền cước phí vận chuyển do 03 khách hàng Nguyễn Mạnh D1, Đỗ Thị D2, Chu Hồng Tr2 nộp trực tiếp cho bị cáo.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ căn cứ để xác định bị cáo phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ hiểu biết pháp luật, nhận thức được hành vi lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do cần tiền tiêu sài cho bản thân nên bị cáo đã phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như sau:

[5] Về tình tiết tăng nặng: Do bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần, trong đó mỗi lần bị cáo thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bản thân bị cáo có nhân thân tốt do chưa từng bị kết án, bị xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hơn nữa gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng việc nộp số tiền 16.875.000đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, do số tiền trên không đáng kể so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, do đó xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định phù hợp với hành vi mà bị cáo đã gây ra để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] Bị cáo không có tài sản riêng vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty P với số tiền là 116.881.409đ đồng, nhưng được trừ đi số tiền 16.875.000đồng gia đình bị cáo đã nộp thay cho bị cáo trước đó, do đó bị cáo còn phải bồi thường cho Công ty số tiền 100.006.409đ. Tại phiên tòa, bị cáo cam kết sẽ bồi thường số tiền trên chậm nhất là ngày 31/12/2020, người đại diện theo ủy quyền của Công ty P đồng ý nội dung cam kết này, Hội đồng xét xử nhận thấy việc cam kết là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật cần được ghi nhận.

[9] Về án phí: Do gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp trước số tiền 16.875.000đồng nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền này. Bị

cáo chỉ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 100.006.409đ theo quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 2 điều 52; Điều 38; 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Thành H và người đại diện theo ủy quyền của bị hại, cụ thể, bị cáo Nguyễn Thành H phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh P, chi nhánh Th số tiền 116.881.409đ (*một trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm linh chín đồng*). Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 16.875.000đ (*mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0007040 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

Chậm nhất ngày 31/12/2020, bị cáo Nguyễn Thành H phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh P, chi nhánh Th số tiền còn lại là 100.006.409đ (*một trăm triệu, không trăm linh sáu nghìn, bốn trăm linh chín đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thành H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.500đ (*năm triệu, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Phương Thảo